

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2012

TÀI LIỆU

Phổ biến Luật Giáo dục đại học cho người học ở ĐHQGHN

I. GIỚI THIỆU TÀI LIỆU

1. Mục đích

Đây là tài liệu do Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) xây dựng nhằm phổ biến, tuyên truyền một cách tổng quan về Luật Giáo dục đại học được Quốc hội thông qua ngày 18/06/2012 và sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2013.

2. Nội dung

Tài liệu mô tả ngắn gọn bối cảnh ra đời của Luật cũng như nội dung những quy định có liên quan trực tiếp tới ĐHQGHN và những điều khoản có liên quan tới người học trong các cơ sở giáo dục đại học.

3. Đối tượng đích của tài liệu

Đối tượng đích mà tài liệu hướng đến là sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh (gọi chung là người học) ở ĐHQGHN.

4. Các kênh và hình thức phổ biến, tuyên truyền

Để đảm bảo tài liệu này đến được với đông đảo người học, các đơn vị thành viên cần tích cực giới thiệu tài liệu thông qua các kênh thông tin khác nhau. Cụ thể, các đơn vị có thể giới thiệu và phát tài liệu này cho các đối tượng người học trong các buổi sinh hoạt chính trị, các buổi gặp mặt đầu năm học, các buổi tổng kết năm học, các cuộc họp lớp, sinh hoạt đoàn, hội sinh viên. Tài liệu cũng có thể được đưa lên trang web của đơn vị hoặc trích dẫn, in toàn văn trong các tập san, tạp chí, ấn phẩm của các đơn vị dành cho người học của đơn vị mình.

5. Những yêu cầu đối với người học

Toàn bộ người học tại Đại học Quốc gia Hà Nội cần:

- Chủ động tìm hiểu các nội dung các quy định của Luật Giáo dục đại học, đặc biệt là các nội dung liên quan đến ĐHQG và đến người học.
- Nghiên cứu kỹ tài liệu tuyên truyền được cung cấp, chủ động tham gia các sinh hoạt lớp, đoàn hội về nội dung này.
- Nắm vững và thực hiện tốt các qui định của Luật Giáo dục đại học và các qui định pháp luật khác.

II. BỐI CẢNH RA ĐỜI VÀ CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA LUẬT

1. Bối cảnh ra đời Luật Giáo dục đại học 2012

Luật Giáo dục của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được xây dựng từ năm 1998, qua nhiều lần chỉnh sửa đã có tác dụng tích cực trong việc điều chỉnh hoạt động giáo dục trong phạm vi cả nước. Tuy nhiên, Luật Giáo dục vốn là luật khung, không đủ chi tiết để điều chỉnh một cách hiệu quả hoạt động giáo dục đại học trong bối cảnh hiện nay. Đồng thời, kinh nghiệm quốc tế cho thấy có rất nhiều quốc gia trên thế giới thông qua luật chuyên ngành để điều chỉnh giáo dục đại học, hoạt động của các trường đại học. Thậm chí, có những quốc gia trên thế giới còn xây dựng và thông qua một luật riêng về Đại học Quốc gia (ĐHQG) như Cộng hòa Liên bang Nga, Australia, Ireland, Singapore, Nhật Bản, Phi-lip-pin, v.v.

Trong bối cảnh đó, Luật Giáo dục đại học (GDDH) của Việt Nam đã được Kỳ họp thứ 3 Quốc hội Khóa XIII thông qua ngày 18/6/2012. Ngày 16/7/2012, Văn phòng Chủ tịch Nước đã tổ chức công bố Sắc lệnh của Chủ tịch Nước về việc ban hành Luật GDDH, theo đó Luật sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2013. Điều này đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc luật hóa các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về GDDH nói chung và về ĐHQG nói riêng, hướng tới xây dựng một nền giáo dục Việt Nam hiện đại.

2. Giới thiệu về Luật giáo dục đại học 2012

2.1. Giới thiệu chung

Luật GDDH gồm 7 chương, 73 điều, quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở GDDH, hoạt động đào tạo (ĐT), hoạt động khoa học và công nghệ, hoạt động hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng GDDH, giảng viên, người học, tài chính, tài sản của cơ sở GDDH và quản lý nhà nước về GDDH. Điều 1 của Luật về phạm vi điều chỉnh đã nêu rõ là “*Luật này quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục đại học, hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, hoạt động hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục đại học,*

giảng viên, người học, tài chính, tài sản của cơ sở giáo dục đại học và quản lý nhà nước về giáo dục đại học.”

Điều 2 “Đối tượng áp dụng” của Luật GDDH nêu rõ *“Luật này áp dụng đối với các trường cao đẳng, trường đại học, học viện, đại học vùng, đại học quốc gia; viện nghiên cứu khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ; tổ chức và cá nhân có liên quan đến giáo dục đại học”*. Như vậy, phạm vi điều chỉnh của luật bao gồm cả các ĐHQG.

Triết lý chính của Luật GDDH là trao quyền tự chủ phù hợp với năng lực thực hiện của các cơ sở GDDH, theo sự phân tầng, xếp hạng đại học. Đồng thời, trong Luật GDDH cũng làm rõ mô hình ĐHQG nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các mô hình này phát triển theo đúng tiềm năng và kỳ vọng. Đây là lần đầu tiên mô hình ĐHQG được chính thức đưa vào các văn bản luật do Quốc hội ban hành. Thuật ngữ “Đại học Quốc gia” được sử dụng trực tiếp 16 lần, tại 5 điều của 3 chương trong luật và trở thành một trong những thuật ngữ thông dụng trong luật. Ngoài ra, thuật ngữ “đại học” (được dùng để chỉ đại học vùng và ĐHQG) cũng được sử dụng 27 lần trong các điều khoản của luật. Đặc biệt, Luật GDDH năm 2012 đã dành toàn bộ Điều 8 với những quy định riêng về ĐHQG.

Sau khi Luật GDDH được thông qua, các cơ quan quản lý nhà nước liên quan sẽ xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện bao gồm việc chỉnh sửa Nghị định về ĐHQG, Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của ĐHQG, v.v.

2.2. Những quy định liên quan đến Đại học Quốc gia

2.2.1. ĐHQG được xác định nằm trong hệ thống cơ sở giáo dục quốc dân

Bên cạnh Điều 2 “Đối tượng áp dụng” của Luật GDDH đã nêu rõ ĐHQG thuộc đối tượng áp dụng của luật, Điều 7 của luật cũng xác định ĐHQG là cơ sở GDDH trong hệ thống giáo dục quốc dân.

2.2.2. Địa vị pháp lý của ĐHQG được khẳng định trong luật

Luật GDDH đã dành riêng điều 8 qui định về địa vị pháp lý của ĐHQG. Cụ thể

“Điều 8. Đại học quốc gia

1. Đại học quốc gia là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao, được Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển.

2. Đại học quốc gia có quyền chủ động cao trong các hoạt động về đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài chính, quan hệ quốc tế và tổ chức bộ máy. Đại học quốc gia chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của các bộ, ngành khác và Ủy

ban nhân dân các cấp nơi đại học quốc gia đặt địa điểm, trong phạm vi chức năng theo quy định của Chính phủ và phù hợp với pháp luật.

Đại học quốc gia được làm việc trực tiếp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để giải quyết những vấn đề liên quan đến đại học quốc gia. Khi cần thiết, giám đốc đại học quốc gia báo cáo Thủ tướng Chính phủ về những vấn đề liên quan đến hoạt động và phát triển của đại học quốc gia.

3. Chủ tịch hội đồng đại học quốc gia và giám đốc, phó giám đốc đại học quốc gia do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm.

4. Chính phủ quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đại học quốc gia.”

2.2.3. Cơ cấu tổ chức của ĐHQG, Hội đồng ĐHQG, nhiệm vụ và quyền hạn của ĐHQG luật hoá

Điều 15 “Cơ cấu tổ chức của đại học” trong luật qui định về cơ cấu của ĐHQG gồm Hội đồng ĐHQG, Ban Giám đốc, Văn phòng, các Ban chức năng, các đơn vị thành viên, các đơn vị trực thuộc, phục vụ, các hội đồng tư vấn, v.v.

Điều 18 “Hội đồng đại học” qui định những nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng đại học (gồm cả Hội đồng ĐHQG) như “*Phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của đại học, phương hướng hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục; cơ cấu tổ chức và phương hướng đầu tư phát triển của đại học; thành lập, giải thể, sáp nhập, chia, tách các tổ chức quy định theo thẩm quyền; thông qua đề án thành lập, giải thể, sáp nhập, chia, tách các tổ chức theo thẩm quyền; Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của hội đồng đại học, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của đại học”*.

Ngoài qui định chung về cơ cấu, thành phần của Hội đồng tại điều 18, Khoản 2, Điều 8 trong luật qui định rõ “*Chủ tịch hội đồng đại học quốc gia ... do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm*”. Đây là một điểm mới so với qui định hiện hành về Hội đồng ĐHQG trong Quyết định số 16/2001/QĐ-TTg ban hành Quy chế về Tổ chức và hoạt động của ĐHQG (gọi tắt là Quy chế 16).

Khoản 4, Điều 18 “*luật cũng nêu rõ thêm là “Thủ tục thành lập, số lượng và cơ cấu thành viên; nhiệm vụ và quyền hạn của hội đồng đại học; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của chủ tịch, thư ký; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội*

đồng đại học được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học”.

Khoản 1, Điều 29 Nhiệm vụ và quyền hạn của đại học nêu rõ, “*Nhiệm vụ và quyền hạn của đại học bao gồm xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển đại học; Quản lý, điều hành, tổ chức các hoạt động đào tạo của đại học; huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực, chia sẻ tài nguyên và cơ sở vật chất dùng chung trong đại học; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ GD&ĐT, Thanh tra Chính phủ, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đại học đặt trụ sở theo quy định; và được chủ động cao trong các hoạt động về đào tạo, NCKH, công nghệ, tài chính, quan hệ quốc tế, tổ chức bộ máy.”*

Đồng thời, Khoản 2, Điều 29 “Nhiệm vụ và quyền hạn của đại học” nêu “*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên; Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên”.*

2.2.4. ĐHQG có quyền tự chủ cao trong hoạt động

Bên cạnh quyền tự chủ chung đối với các cơ sở GDDH khác, luật cũng quy định ĐHQG quyền tự chủ cao trong đào tạo, NCKH và hợp tác quốc tế. Ngoài quy định chung về quyền tự chủ cao tại Khoản 2, điều 8; điểm đ, khoản 1, điều 29, luật, luật cũng có một số quy định cụ thể.

Điều 33 “Mở ngành, chuyên ngành đào tạo” Khoản 2, quy định “*Đại học quốc gia, các cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn quốc gia được tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc mở ngành đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo đã được phê duyệt thuộc lĩnh vực đào tạo của nhà trường khi có đủ năng lực đáp ứng các điều kiện theo quy định.”*

Khoản 2, Điều 45 “Liên kết đào tạo với nước ngoài” quy định “*Giám đốc đại học phê duyệt chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tổ chức tại đại học”.*

2.3. Một số quy định liên quan đến người học

Luật GDDH dành chương XI bao gồm 5 điều (từ 59-63) đề cập tới các vấn đề có liên quan đến người học trong các cơ sở giáo dục đại học.

Điều 59 “Người học” định nghĩa khái niệm “*người học là người đang học tập và nghiên cứu khoa học tại cơ sở giáo dục đại học, gồm sinh viên của chương trình đào tạo*

cao đẳng, chương trình đào tạo đại học; học viên của chương trình đào tạo thạc sĩ; nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ.” Như vậy, luật phân định ba (03) đối tượng người học bao gồm sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh ứng với các bậc học khác nhau.

Điều 60, quy định những “nhiệm vụ và quyền của người học” khi đang học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện trong các cơ sở giáo dục đại học. Luật qui định cả những qui tắc đạo đức mà các học viên phải tuân theo như *“tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của cơ sở giáo dục đại học”* đồng thời phải *“đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện”*. Điều này cũng nêu rõ vai trò và quyền của người học trong việc tham gia vào công tác quản lý và giám sát hoạt động của cơ sở GDĐH. Theo đó, người học có quyền *“Đóng góp ý kiến, tham gia quản lý và giám sát hoạt động giáo dục và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục.”*

Điều 61 “Các hành vi người học không được làm” quy định các hành vi mà người học không được làm đối với giảng viên, cán bộ, nhân viên và người khác cũng như trong khi học tập, thi cử, và cuộc sống hằng ngày. Theo đó người học không được *“Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên, người học của cơ sở giáo dục đại học và người khác.”* Trong quá trình học tập, kiểm tra, thi cử, tuyển sinh, Luật cũng quy định rõ rằng người học không được có các hành vi gian lận. Người học cũng không được phép *“Tham gia tệ nạn xã hội, gây rối an ninh trật tự trong cơ sở giáo dục đại học hoặc nơi công cộng”* và tổ chức hoặc tham gia các hành vi, hoạt động vi phạm pháp luật khác.

Điều 62 “Chính sách đối với người học” mô tả các chính sách chung của Nhà nước dành cho người học như chính sách học bổng, trợ cấp xã hội và chính sách đối với người học theo học những chuyên môn có tính đặc thù. Luật dẫn chiếu tới các điều 89, 90, 91 và 92 của Luật Giáo dục liên quan tới những quy định cụ thể về chế độ học bổng, trợ cấp xã hội, chế độ cử tuyển, tín dụng giáo dục, giảng phí dịch vụ công cộng cho người học. Như vậy, các chính sách khuyến khích, hỗ trợ người học ở các cơ sở giáo dục đại học vẫn sẽ được thực hiện như trước đây theo như quy định trong Luật Giáo dục sửa đổi năm 2009. Riêng đối với người học của các ngành chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng an ninh sẽ *“không phải đóng học phí và được ưu tiên trong việc xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội.”*

Điều 63 “Nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo sự điều động của Nhà nước” quy định một số điểm liên quan tới những người học được hưởng học bổng và chi phí đào tạo do Nhà nước cấp hoặc nước ngoài cấp theo Hiệp định ký kết với Nhà nước Việt Nam. Theo

đó, điều này quy định các đối tượng người học này phải “*chấp hành sự điều động làm việc của Nhà nước trong thời gian ít nhất là gấp đôi thời gian được hưởng học bổng và chi phí đào tạo, nếu không chấp hành thì phải bồi hoàn học bổng, chi phí đào tạo.*” Ngoài ra, đối với đối tượng người học ngày, trong thời hạn 12 tháng sau khi được công nhận tốt nghiệp, cơ quan nhà nước có trách nhiệm phân công làm việc đối với họ. Nếu quá thời hạn trên mà người học không được phân công làm việc thì không phải bồi hoàn học bổng và các chi phí đào tạo.

Tóm lại, Luật GDDH đã quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền của người học, mô tả chi tiết các hành vi mà người học không được làm cũng như dẫn chiếu tới các điều của Luật Giáo dục liên quan đến các chính sách của Nhà nước đối với người học. Luật cũng quy định chi tiết hơn về chính sách đối với các đối tượng người học đang theo học những chuyên môn đặc thù hoặc nhận học bổng, chi phí đào tạo từ một số nguồn. Việc hiểu rõ và nắm vững những nội dung của Luật GDDH có liên quan đến người học là nhiệm vụ quan trọng của học sinh, sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh của ĐHQGHN nhằm thực hiện tốt những quy định của Luật cũng như vận dụng đúng và sáng tạo các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với người học trong quá trình học tập, rèn luyện, nghiên cứu tại ĐHQGHN.